|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2021/NQ-HĐND | *Trà Vinh, ngày tháng năm 2021* |

**(Dự thảo)**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ .........**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phí, lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số ……../…../NĐ-CP ngày …… tháng … năm …….. của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số ……../…../TT-BTNMT ngày …… tháng … năm …….. của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số .................. ngày ..... tháng ... năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc .............................................*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nghị quyết quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể:

**1. Phí Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

a) Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Phạm vi: Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định và phê duyệt của UBND cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Đối tượng: Tổ chức, cá nhân làm chủ dự án hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật về lĩnh vực môi trường khi lập dự án đầu tư thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định thì phải nộp phí thẩm định.

b) Mức thu

*ĐVT: Triệu đồng/hồ sơ*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng mức đầu tư (tỷ VNĐ)** | **<45** | **≥ 45 và <60** | **≥60 và <80** | **≥80 và < 120** | **≥120 và <800** | **≥800 và <1.000** | **≥1.000 và <1.500** | **≥1.500 và từ 2.300 trở lên** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| *Báo cáo đánh giá tác động môi trường* | 7,8 | 8,6 | 10,5 | 11,6 | 12,7 | 13,8 | 14,9 | 16 |

- Trường hợp thẩm định lại phương án (đối với báo cáo ĐTM không được hội đồng thẩm định thông qua lần đầu); Mức thu bằng 50% mức thu phí thẩm định báo cáo lần đầu.

c) Thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí

- Đơn vị thu: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh.

- Nộp, quản lý và sử dụng tiền phí:Đơn vị thu phí nộp 100% số tiền phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

**2. Phí Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

a) Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Phạm vi: Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định và phê duyệt của UBND cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Đối tượng: Tổ chức, cá nhân là chủ phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản thuộc đối tượng quy định tại điểm b, c khoản 2, Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể:

+ Cơ sở khai thác khoáng sản hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành nhưng chưa có phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc có thay đổi nội dung cải tạo, phục hồi môi trường so với phương án đã được phê duyệt;

+ Cơ sở khai thác khoáng sản hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành đã được phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường nhưng kinh phí không đủ để thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) Mức thu:

*ĐVT: Triệu đồng/hồ sơ*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng mức đầu tư**  **(tỷ VNĐ)** | **<45** | **≥ 45 và <60** | **≥60 và <80** | **≥80 và < 120** | **≥120 và <800** | **≥800 và <1.000** | **≥1.000 và <1.500** | **≥1.500 và từ 2.300 trở lên** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| Phương án, cải tạo phục hồi môi trường | 7,8 | 8,6 | 10,5 | 11,6 | 12,7 | 13,8 | 14,9 | 16 |

- Trường hợp thẩm định lại phương án (đối với phương án không được hội đồng thẩm định thông qua lần đầu); Mức thu bằng 50% mức thu phí thẩm định phương án lần đầu.

c) Thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí

- Đơn vị thu: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh.

- Nộp, quản lý và sử dụng tiền phí: Đơn vị thu phí nộp 100% số tiền phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

**3.** **Phí thẩm định cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường cấp tỉnh/huyện:**

***3.1. Phí thẩm định cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường cấp tỉnh:***

a) Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Phạm vi: Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND cấp tỉnh.

- Đối tượng: Các tổ chức, cá nhân làm chủ dự án hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật về môi trường thuộc đối tượng phải thực hiện giấy phép môi trường cấp tỉnh và trình cấp có thẩm quyền cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

b) Mức thu:

**Phương án 1:** Thu phí thẩm định cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường cấp tỉnh **trong trường hợp phí bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải, khí thải** để đánh giá hiệu quả các công trình xử lý chất thải trước khi cấp phép.

*ĐVT: Triệu đồng/hồ sơ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại giấy** **phép môi trường** | **Mức thu** | |
| Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM/Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường | Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường *(Thành lập Hội đồng thẩm định)* |
| Cấp giấy phép môi trường | *20,1* | *4,3* |
| Cấp đổi giấy phép môi trường | Không thu phí | |
| Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường | *20,1* | |
| Cấp lại giấy phép môi trường | *20,1* | |

*\* Ghi chú: Mức thu cấp điều chỉnh giấy phép môi trường và cấp lại giấy phép môi trường bằng với mức thu cấp mới giấy phép môi trường do quy trình thực hiện các bước công việc như nhau.*

**Phương án 2:** Thu phí cấp giấy phép môi trường cấp tỉnh trong trường hợp phí **không bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải, khí thải. Chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải, khí thải được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được giao hàng năm.**

*ĐVT: Triệu đồng/hồ sơ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại giấy** **phép môi trường** | **Mức thu** | |
| Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM/Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường | Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường *(Thành lập Hội đồng thẩm định)* |
| Cấp giấy phép môi trường | *3,1* | *4,3* |
| Cấp đổi giấy phép môi trường | Không thu phí | |
| Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường | *3,1* | |
| Cấp lại Giấy phép môi trường | *3,1* | |

*(Sau khi thống nhất Phương án, sẽ điều chỉnh chọn 01 Phương án đưa vào Nghị Quyết này)*

c) Thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí

- Đơn vị thu: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh.

- Nộp, quản lý và sử dụng tiền phí: Đơn vị thu phí nộp 100% số tiền phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

***3.2. Phí thẩm định cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường cấp huyện***

a) Phạm vi và đối tượng áp dụng

Phạm vi: Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Đối tượng: Các tổ chức, cá nhân làm chủ dự án hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật về môi trường thuộc đối tượng phải thực hiện giấy phép môi trường cấp huyện và trình cấp có thẩm quyền cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

b) Mức thu

**Phương án 1:** Thu phí thẩm định cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường cấp huyện **trong trường hợp phí bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải, khí thải** để đánh giá hiệu quả các công trình xử lý chất thải trước khi cấp phép.

*ĐVT: Triệu đồng/hồ sơ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại giấy phép môi trường** | **Mức thu** | |
| Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM/Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường | Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường *(Thành lập Hội đồng thẩm định)* |
| Cấp giấy phép môi trường | *19,3* | *2,7* |
| Cấp đổi giấy phép môi trường | Không thu phí | |
| Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường | *19,3* | |
| Cấp lại giấy phép môi trường | *19,3* | |

*\* Ghi chú: Mức thu cấp điều chỉnh giấy phép môi trường và cấp lại giấy phép môi trường bằng với mức thu cấp mới giấy phép môi trường do quy trình thực hiện các bước công việc như nhau.*

**Phương án 2:** Thu phí cấp giấy phép môi trường cấp huyện trong trường hợp phí **không bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải, khí thải. Chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải, khí thải được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được giao hàng năm.**

*ĐVT: Triệu đồng/hồ sơ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại giấy** **phép môi trường** | **Mức thu** | |
| Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM/Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường | Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường *(Thành lập Hội đồng thẩm định)* |
| Cấp giấy phép môi trường | *2* | *2,7* |
| Cấp đổi giấy phép môi trường | Không thu phí | |
| Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường | *2* | |
| Cấp lại giấy phép môi trường | *2* | |

***(Sau khi thống nhất Phương án, sẽ điều chỉnh chọn 01 Phương án đưa vào Nghị quyết này)***

c) Thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí

- Đơn vị thu: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

- Nộp, quản lý và sử dụng tiền phí:Đơn vị thu phí nộp 100% số tiền phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** **Bãi bỏ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định các loại phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và bãi bỏ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 29/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định các loại phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.**

**Điều 3.** **Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

- Giao UBND tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện; phân công cụ thể cơ quan, tổ chức thu các khoản thu theo Nghị quyết này.

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ................,

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ ...... thông qua ngày ...... tháng ........ năm 2021./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - UBTVQH, Chính phủ; - Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, TN và MT; - TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh; - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; - Đại biểu HĐND tỉnh; - Các Sở: TN và MT, TC, TP,  Cục thuế, Cục thống kê; - TT. HĐND, UBND cấp huyện; - Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh; - Báo, Đài PT-TH tỉnh; - Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh; - Website Chính phủ; - Lưu: VT, TH. | **CHỦ TỊCH** |